

Bản án số: 47/2017/HSST

Ngày: 21-7-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hồng Nam và bà Nguyễn Minh Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Luyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2017/HSST ngày 07/5/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/HSST-QĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Vũ Thành D, sinh năm 1992 tại xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư H, phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn C và bà Trần Thị L; gia đình có bốn anh em, bị cáo là con thứ ba; có vợ là Nguyễn Thị S, sinh năm 1994 và hai con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/4/2017 đến ngày 17/4/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 50 ngày 17/4/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách; có mặt.

2. Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1988 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Xuân O và bà Trần Thị T; gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ hai;

Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/4/2017 đến ngày 17/4/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 50 ngày 17/4/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách; có mặt.

3. Nguyễn Quang T, sinh năm 1994 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con Nguyễn Văn C và bà Đồng Thị N; gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Ngô Thị H, sinh năm 1994 và một con, sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/4/2017 đến ngày 17/4/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 50 ngày 17/4/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách; có mặt.

4. Kiều Đăng D1, sinh năm 1996 tại xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Kiều Đăng Đ1 và bà Nguyễn Thị T; gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất;

Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/4/2017 đến ngày 17/4/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 50 ngày 17/4/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách; có mặt.

5. Kiều Đăng Đ, sinh ngày 16/9/1999 tại xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Kiều Đăng H và bà Kiều Thị H; gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 46 ngày 15/4/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Kiều Đăng Đông*: Luật sư Đỗ Văn C - Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ: Số 20 phố H, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Kiều Đăng Đ*: Ông Kiều Đăng H, sinh năm 1978 và bà Kiều Thị H, sinh năm 1980 (bố mẹ đẻ của bị cáo).

Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; đều có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Phạm Tuấn H

Nơi cư trú: Khu Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 14/4/2017, Vũ Thành D, Nguyễn Mạnh H, Kiều Đăng Đ, Nguyễn Quang T và Kiều Đăng D1 đến sân vận động thuộc khu dân cư Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Trong khi chờ thêm người đá bóng thì Vũ Thành D, Nguyễn Mạnh H, Kiều Đăng Đ, Nguyễn Quang T và Kiều Đăng D1 cùng thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa trái phép ăn tiền trên phần mềm máy điện thoại di động. Sau đó, các bị cáo cùng nhau đi ra Nghĩa Trang thuộc khu Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương để đánh bạc. Các đối tượng sử dụng máy điện thoại di động Iphone 5s có tải phần mềm xóc đĩa, khi mở màn hình hiện lên một đĩa tròn, hai bên đĩa có hai chữ “chẵn” và “lẻ”, phía trên màn hình có chữ “bắt đầu”; khi ấn vào chữ “bắt đầu” sẽ hiện lên hình 01 bát tròn úp lên đĩa sau đó máy rung nhiều lần. Lúc này những người tham gia đánh bạc sẽ đặt tiền theo cửa chẵn và cửa lẻ để đánh với người cầm cái. Sau khi đặt người chơi đặt tiền vào cửa xong, người cầm cái ấn vào chữ “mở bát”, thì bát sẽ mở ra và trên đĩa xuất hiện 4 hình tròn có hai màu phân biệt là đỏ và đen; nếu trên đĩa xuất hiện 2 hình

tròn màu đỏ và 2 hình tròn màu đen hoặc 4 hình tròn đồng màu đỏ hoặc đen sẽ là ván chẵn; nếu trên đĩa xuất hiện 1 hình tròn màu đỏ và 3 hình tròn màu đen hoặc 3 hình tròn màu đỏ và 1 hình tròn màu đen thì là ván lẻ. Vũ Thành D lấy điện thoại di động Iphone 5s của mình cầm cái điều khiển cuộc chơi để đánh bạc với H, Đ, T, D1. Mức đặt cửa thấp nhất là 10.000 đồng, cao nhất là 200.000 đồng; thắng thì được bằng số tiền đã đặt, còn thua thì mất số tiền đã đặt với người cầm cái. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 6.700.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s. Các đối tượng khai nhận sử dụng số tiền vào việc đánh bạc cụ thể sau: Vũ Thành D sử dụng 5.300.000 đồng, Nguyễn Mạnh H sử dụng 520.000 đồng, Kiều Đăng Đ sử dụng 400.000 đồng, Nguyễn Quang T sử dụng 340.000 đồng và Kiều Đăng D1 sử dụng 100.000 đồng vào việc đánh bạc.

Về vật chứng: Số tiền 6.700.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Nam Sách quản lý chờ xử lý theo quy định.

Bản Cáo trạng số 43/VKS-HS ngày 31/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố Vũ Thành D, Nguyễn Mạnh H, Kiều Đăng Đ, Nguyễn Quang T và Kiều Đăng D1 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách thực hành quyền công tố, trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vũ Thành D, Nguyễn Mạnh H, Kiều Đăng Đ, Nguyễn Quang T và Kiều Đăng D1 phạm tội "Đánh bạc"; áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p, h khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với tất cả các bị cáo; áp dụng Điều 69, Điều 71, Điều 73 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Kiều Đăng Đ; áp dụng khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo D, H và T; Điều 31 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ và D1; xử phạt Vũ Thành D từ 08 đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; xử phạt Nguyễn Mạnh H từ 06 đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; xử phạt Nguyễn Quang T từ 05 đến 07 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng, kể từ ngày

tuyên án sơ thẩm; giao bị cáo D cho UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; giao các bị cáo H và T cho UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo D, H và T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật hi hành án hình sự; xử phạt bị cáo Kiều Đăng D1 từ 08 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 03 ngày tạm giữ, quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Kiều Đăng Đ từ 06 đến 08 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập 10%/tháng, thời hạn tính từ ngày UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo D1 và Đ cho UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian các bị cáo cải tạo tại địa phương; áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự, xử phạt D, H, T, D1 mỗi bị cáo từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ sung quỹ Nhà nước; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s của bị cáo Vũ Thành D và số tiền 6.700.000đ; về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của UBTVQH quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Kiều Đăng Đ xác định hành vi phạm tội của bị cáo và đồng phạm mà đại diện Viện kiểm sát truy tố là đúng. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là người chưa thành niên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì vậy đề nghị HĐXX áp dụng điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 69, Điều 71, Điều 73 Bộ luật hình sự, xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo được cải tạo tại địa phương như đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ đồng ý với lời bào chữa của luật sư, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để gia đình tiếp tục giáo dục.

Người làm chứng anh Phạm Tuấn H xác định lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với diễn biến hành vi của các bị cáo và phù hợp với Cáo trạng truy tố.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, công nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách là đúng và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Sách, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi của các bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo, biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 16 giờ 30 phút đến 17 giờ 45 phút ngày 14/4/2017, tại Nghĩa Trang nhân dân thuộc khu Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương, Vũ Thành D, Nguyễn Mạnh H, Kiều Đăng Đ, Nguyễn Quang T và Kiều Đăng D1 có hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 6.700.000 đồng.

Hành vi của D, H, Đ, T và D1 sử dụng số tiền 6.700.000 đồng vào việc đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc - sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật, nhưng vì tư lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự. Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách là chính xác, đúng pháp luật. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, HĐXX sẽ căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 để áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội về số tiền đánh bạc.

Trong vụ án các bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất đồng phạm giản

đơn, không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ. Tuy nhiên, vụ án có nhiều bị cáo phạm tội, nên cần đánh giá vai trò, vị trí, tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

Bị cáo D là người dùng điện thoại vào việc đánh bạc và sử dụng số tiền 5.300.000 đồng vào việc đánh bạc, vì vậy giữ vai trò chính trong vụ án; các bị cáo H, Đ, T và D1 tham gia đánh bạc với vai trò đồng phạm - là người thực hành, các bị cáo sử dụng số tiền vào việc đánh bạc là khác nhau, trong đó, bị cáo H sử dụng số tiền vào việc đánh bạc là 520.000đ; bị cáo Đ sử dụng số tiền vào việc đánh bạc là 400.000đ; bị cáo T sử dụng số tiền 340.000đ vào việc đánh bạc; bị cáo D1 sử dụng 100.000đ vào việc đánh bạc. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ có hình phạt tương xứng với từng hành vi phạm tội của các bị cáo.

Xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa tất cả các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Đ khi thực hiện hành vi phạm tội và trong quá trình xét xử bị cáo là người chưa thành niên, vì vậy áp dụng Điều 69, Điều 71, Điều 73 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Tất cả các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, các bị cáo D, H và T đều còn trẻ, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo nhất thời phạm tội, không có dự mưu từ trước và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, HĐXX không cần thiết cách ly các bị cáo D, H và T khỏi xã hội, mà quyết định hình phạt tù cho hưởng án treo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 60 Bộ luật hình sự;

Đối với bị cáo Đ và D1 tham gia đánh bạc với vai trò đồng phạm, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc ít, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo Đ là người chưa thành niên. Vì vậy, HĐXX không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 31 BLHS, như vậy cũng đủ đảm bảo việc cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt sống biết chấp hành và tuân thủ pháp luật. Do bị cáo Đ là người chưa thành niên nên Hội đồng xét

xử không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đ trong thời gian áp dụng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập của bị cáo D1 5%/tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự các bị cáo có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo D, H, T và D1 có nghề nghiệp và thu nhập, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo, phạt mỗi bị cáo 3.000.000đ sung quỹ Nhà nước. Đối với bị cáo Đ là người chưa thành niên, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Xét thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s và số tiền 6.700.000đ là công cụ, phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, vì vậy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của UBTVQH quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Thành D, Nguyễn Mạnh H, Kiều Đăng Đ, Nguyễn Quang T và Kiều Đăng D1 phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p, h khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với tất cả các bị cáo;

Áp dụng Điều 69, Điều 71, Điều 73 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Kiều Đăng Đ.

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo D, H và T; Điều 31 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ và D1;

Xử phạt bị cáo Vũ Thành D **08 (Tám) tháng tù**, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **16 (Mười sáu)** tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H **06 (Sáu) tháng tù**, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **12 (Mười hai)** tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T **05 (Năm) tháng tù**, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **12 (Mười hai)** tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo D cho UBND xã A, huyện N; giao bị cáo H và T cho UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo D, H và T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật hi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Kiều Đăng D1 **10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ**, được trừ đi 03 ngày tạm giữ, quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo D1 còn phải thi hành 09 (Chín) tháng 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Quyết định khấu trừ thu nhập của bị cáo D1 5%/tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Kiều Đăng Đ **06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ**.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo D1 và Đ cho UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian các bị cáo cải tạo tại địa phương.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự: Phạt các bị cáo Vũ Thành D, Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Quang T và Kiều Đăng D1 mỗi bị cáo 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng sung quỹ Nhà nước.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật mà người phải thi hành án chưa thi hành hình phạt tiền (hình phạt bổ sung) thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s của bị cáo Vũ Thành D và số tiền 6.700.000đ (Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Sách với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách ngày 09/6//2017).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của UBTVQH quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Vũ Thành D, Nguyễn Mạnh H, Kiều Đăng Đ, Nguyễn Quang T và Kiều Đăng D1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, báo cho các bị cáo, người đại diện theo pháp luật và người bào chữa cho bị cáo Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ;
- VKSND huyện Nam Sách;
- CQCSĐT - Công an huyện Nam Sách;
- Chi cục THA DS huyện Nam Sách;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thanh Tuấn